

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **20361**/BTC-QLĐT
V/v thực hiện báo cáo tình hình
hoạt động đấu thầu năm 2025

Hà Nội, ngày **29** tháng **12** năm **2025**

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Các cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 146 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ, định kỳ hằng năm, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các doanh nghiệp nhà nước và các cơ quan, tổ chức khác thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 2 của Luật Đấu thầu báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị các đơn vị thực hiện việc báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2025 (theo đề cương kèm theo công văn này) trên Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia¹ tại địa chỉ <https://muasamcong.mpi.gov.vn> trước ngày 01/02/2026 để Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị./. **14**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cục Kế hoạch – Tài chính (để tổng hợp báo cáo các đơn vị thuộc Bộ Tài chính);
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, QLĐT (TMinh **23**). *Minh*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

¹ Cách thức thực hiện báo cáo được đăng tải tại Mục Hướng dẫn sử dụng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Chi tiết liên hệ Tổng đài Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia 1900.6126.

ĐỀ CƯƠNG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẦU THẦU

*(Kèm theo công văn số ~~20361~~ BTC-QLĐT ngày 29 tháng 12 năm 2025
của Bộ Tài chính)*

PHẦN A. VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

I. Tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện

1. Tổng hợp chung

1.1. Đối với bộ, ngành, địa phương

Tổng hợp về tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm chung đối với các gói thầu thuộc đối tượng áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật Đầu thầu thuộc địa bàn, lĩnh vực phụ trách, gồm:

- a) Số liệu tổng hợp;
- b) Theo lĩnh vực đầu thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, phân loại dự án;
- c) Theo dự án đầu tư, dự toán mua sắm, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài;
- d) Theo phương thức mua sắm tập trung;
- đ) Theo phạm vi điều chỉnh của các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên (Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA, Hiệp định UKVFTA,...);
- e) Các gói thầu thực hiện đầu thầu qua mạng;
- e) Số liệu khác (nếu có).

Số liệu chi tiết được tổng hợp theo các Biểu số 01, Biểu số 02A, Biểu số 02B, Biểu số 03A, Biểu số 03B, Biểu số 04, Biểu số 05 kèm theo Đề cương này.

1.2. Đối với doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên

a) Tổng hợp về tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm chung đối với các gói thầu sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo các nội dung nêu tại mục 1.1 nêu trên *(số liệu chi tiết được tổng hợp theo Biểu số 07A và Biểu số 08A kèm theo Đề cương này);*

b) Tổng hợp số liệu về số lượng gói thầu, tổng giá trị mua sắm, tỷ lệ tiết kiệm chung đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu không sử dụng vốn ngân sách nhà nước kể từ ngày 01/7/2025 *(số liệu chi tiết được tổng hợp theo Mẫu số 07B và Biểu số 08B kèm theo Đề cương này);*

- c) Số liệu khác (nếu có).

2. Tổng hợp theo nội dung

2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu: số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành về đấu thầu lựa chọn nhà thầu; số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến công tác đấu thầu; số lượng cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

2.2. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về đấu thầu lựa chọn nhà thầu

a) Số liệu về công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu lựa chọn nhà thầu bao gồm: số lượng các cuộc thanh tra về đấu thầu; số lượng các cuộc thanh tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu.

b) Số liệu về công tác giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu bao gồm: số lượng các văn bản chấn chỉnh hoạt động đấu thầu; số lượng tổ chức, cá nhân được yêu cầu xử lý vi phạm; số lượng tổ chức, cá nhân bị xử lý vi phạm.

2.3. Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm

a) Số liệu về giải quyết kiến nghị về đấu thầu, bao gồm: số lượng kiến nghị nhận được; số lượng kiến nghị được giải quyết; số lượng kiến nghị đúng của nhà thầu.

b) Số liệu về xử lý vi phạm trong đấu thầu, bao gồm: số lượng quyết định xử lý vi phạm hành chính; số lượng quyết định cấm tổ chức/cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu; số lượng nhà thầu vi phạm bị chấm dứt hợp đồng do lỗi nhà thầu, bị đánh giá uy tín khi tham dự thầu; số lượng đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với các hành vi vi phạm trong đấu thầu.

2.4. Các nội dung khác (nếu có)

II. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong năm

Đánh giá **kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân** việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị¹ theo từng nội dung sau:

1. Đánh giá chung

2. Về tổ chức, triển khai thực hiện chính sách pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

3. Về công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy

¹ Các cơ quan đơn vị đánh giá khái quát và cụ thể về tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu trong năm theo các nội dung tại mục II Đề cương này, tập trung vào đánh giá:

- Việc thực hiện các gói thầu, dự án quan trọng, trọng điểm, các gói thầu thực hiện theo các cơ chế đặc thù hoặc yêu cầu tại các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ; gói thầu, dự án áp dụng hình thức chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trường trường hợp đặc biệt, tập trung đánh giá về tình hình, tiến độ, kết quả của việc áp các hình thức lựa chọn nhà thầu (như: việc tuân thủ và thực hiện trình tự, thủ tục; rút ngắn, đẩy nhanh tiến độ lựa chọn nhà thầu; đáp ứng yêu cầu của các cấp có thẩm quyền...).

- Công tác phân cấp, phân quyền và tổ chức lựa chọn nhà thầu trong quá trình thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp;

- Các nội dung khác (nếu có).

phạm pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

4. Về lựa chọn nhà thầu qua mạng.
5. Về công khai thông tin trong đấu thầu.
6. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và giải quyết kiến nghị²
7. Về thực hiện các dự án quan trọng, trọng điểm
8. Về tình hình thực hiện hợp đồng³
9. Nội dung khác (nếu có).

PHẦN B. VỀ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ KINH DOANH

I. Tổng hợp số liệu về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

1. Tổng hợp chung

Tổng hợp chung về số liệu đối với việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh thuộc đối tượng áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật Đấu thầu bao gồm: số lượng dự án tổ chức đấu thầu, phân loại dự án; số lượng dự án áp dụng thủ tục mời quan tâm và chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư; hình thức, phương thức lựa chọn nhà đầu tư; hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực đạt được thông qua đấu thầu.

2. Tổng hợp theo nội dung

2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu

Tổng hợp số liệu về số lượng văn bản chỉ đạo chỉ đạo, điều hành về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến công tác đấu thầu.

2.2. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư

a) Tổng hợp số liệu về công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư bao gồm: số lượng các cuộc thanh tra về đấu thầu; số lượng các cuộc thanh tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra về đấu thầu; số lượng các cuộc kiểm tra được lồng ghép nội dung về đấu thầu.

b) Tổng hợp số liệu về công tác giám sát hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.

2.3. Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm

a) Tổng hợp số liệu về giải quyết kiến nghị về đấu thầu, bao gồm: số lượng kiến nghị nhận được; số lượng kiến nghị được giải quyết; số lượng kiến nghị đúng

² Việc triển khai thanh tra, kiểm tra, giám sát của người có thẩm quyền, giám sát sát thường xuyên trước và sau khi Luật số 90/2025/QH15 có hiệu lực thi hành, nội dung chủ yếu được thực hiện kiểm tra, giám sát; các tồn tại, hạn chế được phát hiện trong quá trình kiểm tra, giám sát (nếu có); Đối với kiến nghị và giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo nêu rõ các vụ việc tồn đọng, kéo dài và nguyên nhân...

³ Đánh giá tình hình thực hiện hợp đồng trên các yếu tố: chất lượng, tiến độ, hiệu quả; nêu rõ các nguyên nhân chính trong việc điều chỉnh hợp đồng; các vướng mắc trong thanh, quyết toán hợp đồng;

của nhà đầu tư.

b) Tổng hợp số liệu về xử lý vi phạm trong đấu thầu, bao gồm: số lượng quyết định xử lý vi phạm hành chính; số lượng quyết định cấm tổ chức/cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu; số lượng nhà đầu tư vi phạm bị chấm dứt hợp đồng do lỗi nhà đầu tư; số lượng đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với các hành vi vi phạm trong đấu thầu.

2.4. Các nội dung khác (nếu có).

II. Đánh giá việc thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong năm

Đánh giá **kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân** việc thực hiện hoạt động đấu thầu trên địa bàn, ngành, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị⁴ theo từng nội dung sau:

1. Đánh giá chung.
2. Về tổ chức, triển khai thực hiện chính sách pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.
3. Về công tác chỉ đạo, điều hành, phổ biến việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.
4. Về lựa chọn nhà đầu tư qua mạng.
5. Về công khai thông tin trong đấu thầu.
6. Về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm và giải quyết kiến nghị⁵.
7. Nội dung khác (nếu có).

PHẦN C. GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở tình hình thực tế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư của năm báo cáo, đề xuất giải

⁴ Các, cơ quan đơn vị đánh giá khái quát và cụ thể về tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu trong năm theo các nội dung tại mục II Đề cương này, tập trung vào đánh giá:

- Các dự án áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư, lựa chọn nhà thầu trường hợp đặc biệt, tập trung đánh giá về tình hình, tiến độ, kết quả của việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà đầu tư, gồm: (i) quá trình lựa chọn nhà đầu tư: hình thức, căn cứ áp dụng; quá trình lựa chọn; đánh giá kết quả việc áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (tuân thủ và thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục; rút ngắn, đẩy nhanh tiến độ lựa chọn nhà đầu tư; đáp ứng yêu cầu của các cấp có thẩm quyền...); (ii) quá trình triển khai dự án sau khi lựa chọn nhà đầu tư: thông tin cơ bản của nội dung hợp đồng dự án đã ký kết; đánh giá kết quả thực hiện dự án tính đến thời điểm báo cáo (ví dụ: kết quả công tác giải phóng mặt bằng, thi công công trình so với tiến độ theo kế hoạch; kết quả thu xếp tài chính của nhà đầu tư so với cam kết trong hợp đồng; kết quả thực hiện các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của nhà đầu tư...).

- Việc thực hiện tổ chức lựa chọn nhà thầu trong quá trình thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, việc phân cấp;

- Các nội dung khác (nếu có).

⁵ Việc triển khai thanh tra, kiểm tra, giám sát của người có thẩm quyền, giám sát sát thường xuyên trước và sau khi Luật số 90/2025/QH15 có hiệu lực thi hành, nội dung chủ yếu được thực hiện kiểm tra, giám sát; các tồn tại, hạn chế được phát hiện trong quá trình kiểm tra, giám sát (nếu có)...

pháp để đảm bảo triển khai có hiệu quả công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

Kiến nghị đối với cấp có thẩm quyền để giải quyết những khó khăn, vướng mắc về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

PHẦN D. DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ KHÔNG THỰC HIỆN BÁO CÁO HOẶC THỰC HIỆN NHƯNG KHÔNG ĐẢM BẢO VỀ THỜI HẠN, NỘI DUNG THEO YÊU CẦU

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Không thực hiện báo cáo	Báo cáo không đảm bảo về thời hạn, nội dung theo yêu cầu	
			Về thời hạn	Về nội dung
1				
2				
3				
....				

Ghi chú:

- Phần này tổng hợp danh sách cơ quan, đơn vị không thực hiện báo cáo hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo về thời hạn, nội dung theo yêu cầu. Trường hợp báo cáo đầy đủ theo yêu cầu thì không cần đưa phần này vào báo cáo.

- Đánh dấu "X" vào ô tương ứng.

BIỂU SỐ 01
BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
CÁC GÓI THẦU THUỘC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM A KHOẢN 1 ĐIỀU 2 LUẬT ĐẦU THẦU

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		Dự án quan trọng quốc gia (1)				Dự án nhóm A (2)				Dự án nhóm B (3)				Dự án nhóm C (4)				Cộng 1 + 2 + 3 + 4			
		Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																					
1. Phí tư vấn	KQM																				
	QM																				
2. Tư vấn	KQM																				
	QM																				
3. Mua sắm hàng hóa	KQM																				
	QM																				
4. Xây lắp	KQM																				
	QM																				
5. Hỗn hợp	KQM																				
	QM																				
Tổng cộng I																					
Tổng cộng I	KQM																				
	QM																				
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																					
1. Đầu thầu rộng rãi	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
		KQM																			
2. Đầu thầu hạn chế	Trong nước	QM																			
	Quốc tế	KQM																			
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM																			
7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	Trong nước	QM																			
	Quốc tế	KQM																			
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																			
9. Đàm phán giá	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
10. Mua sắm trực tuyến	Trong nước	QM																			
11. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM																			
12. Điện hàng	Trong nước	KQM																			
Tổng cộng II																					
Tổng cộng II	KQM																				
	QM																				

Ghi chú:

____ ngày ____ tháng ____ năm

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này không bao gồm: (1) các gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài đã được báo cáo tại Biểu số 03A, Biểu số 03B;
(2) các gói thầu thuộc dự toán mua sắm đã được báo cáo tại Biểu số 02A, Biểu số 02B.

Người báo cáo

(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả gói thầu áp dụng mua sắm tập trung (dự án đầu tư) được tổng hợp tại Biểu số 04.

- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

BIỂU SỐ 02A

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
GÓI THẦU THUỘC DỰ TOÁN MUA SẮM QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM A KHOẢN 1 ĐIỀU 2 LUẬT ĐẦU THẦU

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Đơn vị: Triệu đồng			
			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU						
1. Phí tư vấn		KQM				0
		QM				0
2. Tư vấn		KQM				0
		QM				0
3. Mua sắm hàng hóa		KQM				0
		QM				0
4. Xây lắp		KQM				0
		QM				0
5 Hỗn hợp		KQM				0
		QM				0
Tổng cộng I						0
Tổng cộng I		KQM	0	0	0	0
		QM	0	0	0	0
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU						
1. Rõ ràng	Trong nước	KQM				0
	Quốc tế	QM				0
2. Hạn chế	Trong nước	KQM				0
	Quốc tế	QM				0
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM				0
	Quốc tế	QM				0
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM				0
	Quốc tế	QM				0
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM				0
	Quốc tế	QM				0
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM				0
7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	Trong nước	KQM				0
	Quốc tế	QM				0
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM				0
9. Đàm phán giá	Trong nước	KQM				0
	Quốc tế	QM				0
10. Mua sắm trực tuyến	Trong nước	QM				0
11. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM				0
12. Đặt hàng	Trong nước	KQM				0
Tổng cộng II			0	0	0	0
Tổng cộng II		KQM	0	0	0	0
		QM	0	0	0	0

Ghi chú:

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả gói thầu áp dụng mua sắm tập trung (dự toán mua sắm) được tổng hợp tại Biểu số 04.
- Số liệu tổng hợp tại Biểu này không bao gồm gói thầu dùng vốn đối ứng trong dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.
- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.
- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người báo cáo
(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 02B

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
GÓI THẦU THUỘC ĐIỂM B, C KHOẢN 1 ĐIỀU 2 LUẬT ĐẦU THẦU

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU						
1. Phi tư vấn	KQM					
		QM				
2. Tư vấn	KQM					
	QM					
3. Mua sắm hàng hóa	KQM					
	QM					
4. Xây lắp	KQM					
	QM					
5. Hỗn hợp	KQM					
	QM					
Tổng cộng I			0	0	0	
Tổng cộng I	KQM		0	0	0	
	QM		0	0	0	
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU						
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
2. Hạn chế	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM				
7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM				
9. Đàm phán giá	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
10. Mua sắm trực tuyến	Trong nước	QM				
11. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM				
12. Đặt hàng	Trong nước	KQM				
Tổng cộng II			0	0	0	
Tổng cộng II	KQM		0	0	0	
	QM		0	0	0	

Ghi chú:

- Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm cả gói thầu áp dụng mua sắm tập trung được tổng hợp tại Biểu số 04.

- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người báo cáo
(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 03A
BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
GÓI THẦU SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI THUỘC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		Dự án quan trọng quốc gia (1)				Dự án nhóm A (2)				Dự án nhóm B (3)				Dự án nhóm C (4)				Tổng (1 + 2 + 3 + 4)			
		Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trung bình	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trung bình	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trung bình	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trung bình	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trung bình	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																					
1. Phi tư vấn	KQM																				
	QM																				
2. Tư vấn	KQM																				
	QM																				
3. Mua sắm hàng hóa	KQM																				
	QM																				
4. Xây lắp	KQM																				
	QM																				
5. Hỗn hợp	KQM																				
	QM																				
Tổng cộng I																					
Tổng cộng I		KQM																			
Tổng cộng I		QM																			
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																					
1. Rong rêu (ICS, QCBS, QBS, FBS, LCS, CQS, ICB, NCB)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
2. Hạn chế (LIB)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
3. Chỉ định thầu (SSS, Direct contracting)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
4. Chào hàng cạnh tranh (shopping)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
5. Mua sắm trực tiếp (repeat order)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
6. Tự thực hiện (force account)	Trong nước	KQM																			
7. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																			
8. Đàm phán giá	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
9. Mua sắm trực tuyến	Trong nước	QM																			
	Trong nước	QM																			
Tổng cộng II																					
Tổng cộng II		KQM																			
Tổng cộng II		QM																			

Ghi chú:

- Số liệu báo cáo tại biểu này chỉ bao gồm phần vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài trong dự án; phần đối ứng, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu số 03B.
- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.
- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

ngày tháng năm
Người báo cáo
 (tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 03B
BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
GÓI THẦU SỬ DỤNG VỐN ĐỐI ỨNG THUỘC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC		Dự án quan trọng quốc gia (1)				Dự án nhóm A (2)				Dự án nhóm B (3)				Dự án nhóm C (4)				Cộng (1 + 2 + 3 + 4)			
		Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trung thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trung thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trung thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trung thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trung thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU																					
1. Phụ tư vấn	KQM																				
	QM																				
2. Tư vấn	KQM																				
	QM																				
3. Mua sắm hàng hóa	KQM																				
	QM																				
4. Xây lắp	KQM																				
	QM																				
5. Hỗn hợp	KQM																				
	QM																				
Tổng cộng I																					
Tổng cộng I	KQM																				
	QM																				
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU																					
1. Rõ ràng (ICS, QCBS, QBS, FBS, LCS, CQS, ICB, NCB)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
2. Hạn chế (LIB)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
3. Chỉ định thầu (SSS, Direct contracting)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
4. Chào hàng cạnh tranh (shopping)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
5. Mua sắm trực tiếp (repeat order)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
6. Tự thực hiện (force account)	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
7. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
8. Đàm phán giá	Trong nước	KQM																			
	Quốc tế	QM																			
9. Mua sắm trực tuyến	Trong nước	QM																			
10. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM																			
Tổng cộng II																					
Tổng cộng II	KQM																				
	QM																				

Ghi chú:

- Số liệu báo cáo tại biểu này chỉ bao gồm phần vốn đối ứng trong dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài
- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng
- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

Ngày tháng năm
 Người báo cáo
 (tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 04

BIỂU SỐ LIỆU CỤ THỂ VỀ CÔNG TÁC LỰA CHỌN NHÀ THẦU THEO PHƯƠNG THỨC MUA SẴM TẬP TRUNG

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Giá gói thầu	Mặt hàng mua sắm	Số lượng mua sắm	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSĐX	Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Giá hợp đồng	Loại hợp đồng	Cách thức thực hiện (ký thỏa thuận khung/ký trực tiếp hợp đồng)
I. Tên đơn vị mua sắm											
1. Dự án/Dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
1.2. Tên gói thầu 2											
....											
Tổng cộng I											
II. Tên đơn vị mua sắm											
1. Dự án/Dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
1.2. Tên gói thầu 2											
....											
Tổng cộng II											
III. Tổng cộng (I+II+...)											

Ghi chú: Mua sắm tập trung tổng hợp tại biểu này đồng thời tổng hợp tại Biểu số 01, Biểu số 02A và Biểu số 02B

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
Người báo cáo
 (tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 05

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA HIỆP ĐỊNH CPTPP, HIỆP ĐỊNH EVFTA VÀ HIỆP ĐỊNH UKVFTA

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định (CPTPP, EVFTA, UKVFTA)	Giá gói thầu	Giá trị của tùy chọn mua thêm (nếu có)	Lĩnh vực lựa chọn nhà thầu (Tư vấn, phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, dịch vụ xây dựng)	Hình thức lựa chọn nhà thầu (đấu thầu rộng rãi nội khối/quốc tế, chỉ định thầu nội khối/quốc tế)	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSDX	Số lượng nhà thầu vào bước đánh giá tài chính	Nhà thầu trúng thầu	Giá trúng thầu	Giá hợp đồng	Loại hợp đồng
I. Tên cơ quan mua sắm 1											
1. Dự án, dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
1.2. Tên gói thầu 2											
.....											
1. Dự án, dự toán mua sắm 2											
1.1. Tên gói thầu 1											
.....											
Tổng cộng I											
II. Tên cơ quan mua sắm 2											
1. Dự án, dự toán mua sắm 1											
1.1. Tên gói thầu 1											
.....											
1. Dự án, dự toán mua sắm 2											
1.1. Tên gói thầu 1											
.....											
Tổng cộng II											
III. Tổng cộng (I+II+...)											

Ghi chú: Các cơ quan mua sắm thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định CPTPP, Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA phải báo cáo nội dung tại Biểu này.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
Người báo cáo
 (tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 06A

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT
THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU, NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư dự án (tỷ đồng)	Diện tích sử dụng đất (ha) (Nếu có)	Lĩnh vực đầu tư (1)	Công bố dự án		Số lượng nhà đầu tư nộp Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (Nếu áp dụng)	Số lượng nhà đầu tư đáp ứng Hồ sơ mời quan tâm (Nếu áp dụng)	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư								Chấp thuận NĐT (4)	Chưa xác định hình thức LCNĐT	Số lượng nhà đầu tư mua/nhận HSMT	Số lượng nhà đầu tư nộp HSĐT	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư (5)	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án	Nguyên tắc xét duyệt trúng thầu (6)
					Thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư			Đấu thầu rộng rãi		Đấu thầu hạn chế		Chỉ định nhà đầu tư		LCNĐT trong trường hợp đặc biệt								
									Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế							
1. Dự án do cơ quan có thẩm quyền lập																							
1	Dự án 1																						
2	Dự án 2																						
Tổng	(số dự án)																						
2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất																							
1	Dự án 1																						
2	Dự án 2																						
Tổng	(số dự án)																						

Ghi chú:

- (1) Ghi lĩnh vực đầu tư theo quy định của pháp luật
- (2) Ghi "X" đối với trường hợp đã công bố thông tin dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
- (3) Ghi "X" vào hình thức lựa chọn nhà đầu tư tương ứng
- (4) Ghi "X" trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký
- (5) Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn
- (6) Ghi giá trị bằng tiền hoặc giá trị khác theo một trong các tiêu chuẩn hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
Người báo cáo
(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU SỐ 06B

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN PHẢI TỔ CHỨC ĐẦU THẦU THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUẢN LÝ NGÀNH, LĨNH VỰC THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU, NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN PHẢI TỔ CHỨC ĐẦU THẦU THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT QUẢN LÝ NGÀNH, LĨNH VỰC

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư dự án (tỷ đồng)	Diện tích sử dụng đất (ha) (Nếu có)	Lĩnh vực đầu tư (1)	Công bố dự án (2)		Số lượng nhà đầu tư nộp Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án	Số lượng nhà đầu tư nộp Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (Nếu áp dụng)	Số lượng nhà đầu tư đáp ứng Hồ sơ mời quan tâm (Nếu áp dụng)	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (3)								Chấp thuận NĐT (4)	Chưa xác định hình thức LCNĐT	Số lượng nhà đầu tư mua/nhận HSMT	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDT	Số lượng dự án hủy thông báo mời quan tâm/thông báo mời thầu và dừng việc LCNĐT (5)	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư (6)	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án	Nguyên tắc xét duyệt trúng thầu (7)
					Thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	Không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư				Đầu thầu rộng rãi		Đầu thầu hạn chế		Chỉ định nhà đầu tư		LCNĐT trong trường hợp đặc biệt									
										Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế	Trong nước	Quốc tế								
1. Dự án do cơ quan có thẩm quyền lập																									
1	Dự án 1																								
2	Dự án 2																								
Tổng	(số dự án)																								
2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất																									
1	Dự án 1																								
2	Dự án 2																								
Tổng	(số dự án)																								

Ghi chú:

- Ghi lĩnh vực đầu tư theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực
- Ghi "X" đối với trường hợp đã công bố danh mục dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
- Ghi "X" vào hình thức lựa chọn nhà đầu tư tương ứng
- Ghi "X" trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký
- Ghi số lượng dự án thuộc trường hợp chuyển tiếp phải hủy thông báo mời quan tâm/thông báo mời thầu và dừng việc lựa chọn nhà đầu tư
- Ghi tên nhà đầu tư được lựa chọn
- Ghi giá trị bằng tiền hoặc giá trị khác theo một trong các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____
 Người báo cáo
 (tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
GÓI THẦU/NỘI DUNG MUA SẴM SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP LOẠI 1, 2

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU						
1. Phí tư vấn		KQM				
		QM				
2. Tư vấn		KQM				
		QM				
3. Mua sắm hàng hóa		KQM				
		QM				
4. Xây lắp		KQM				
		QM				
5. Hỗn hợp		KQM				
		QM				
Tổng cộng I						
Tổng cộng I		KQM	0	0	0	0
		QM	0	0	0	0
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU						
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	QM				
2. Hạn chế	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	QM				
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	QM				
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	QM				
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	QM				
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM				
7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
8. Tham gia thực hiện của công đồng	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
9. Đàm phán giá	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
10. Mua sắm trực tuyến	Trong nước	QM				
11. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM				
12. Đặt hàng	Trong nước	KQM				
Tổng cộng II			0	0	0	0
Tổng cộng II		KQM	0	0	0	0
		QM	0	0	0	0

Ghi chú:

- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người báo cáo
(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
GÓI THẦU/NỘI DUNG MUA SẴM SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU						
1. Phi tư vấn	KQM					
		QM				
2. Tư vấn	KQM					
		QM				
3. Mua sắm hàng hóa	KQM					
		QM				
4. Xây lắp	KQM					
		QM				
5. Hỗn hợp	KQM					
		QM				
Tổng cộng I						
Tổng cộng I	KQM	0	0	0	0	
	QM	0	0	0	0	
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU						
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
2. Hạn chế	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM				
7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM				
9. Đàm phán giá	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
10. Mua sắm trực tuyến	Trong nước	QM				
11. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM				
12. Đặt hàng	Trong nước	KQM				
Tổng cộng II			0	0	0	0
Tổng cộng II	KQM	0	0	0	0	
	QM	0	0	0	0	

Ghi chú:

- Công ty/doanh nghiệp nhà nước có thể điều chỉnh nội dung Biểu báo cáo theo thực tế triển khai của đơn vị
- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.
- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người báo cáo
(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
GÓI THẦU/NỘI DUNG MUA SẴM KHÔNG SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP LOẠI 1, 2

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU						
1. Phi tư vấn		KQM				
		QM				
2. Tư vấn		KQM				
		QM				
3. Mua sắm hàng hóa		KQM				
		QM				
4. Xây lắp		KQM				
		QM				
5. Hỗn hợp		KQM				
		QM				
Tổng cộng I			0	0	0	
Tổng cộng I		KQM	0	0	0	
		QM	0	0	0	
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU						
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
2. Hạn chế	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM				
7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM				
9. Đàm phán giá	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
10. Mua sắm trực tuyến	Trong nước	QM				
11. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM				
12. Đặt hàng	Trong nước	KQM				
Tổng cộng II			0	0	0	
Tổng cộng II		KQM	0	0	0	
		QM	0	0	0	

Ghi chú:

- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người báo cáo
(tên, số điện thoại, địa chỉ email)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
GÓI THẦU/NỘI DUNG MUA SẮM KHÔNG SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU						
1. Phi tư vấn		KQM				
		QM				
2. Tư vấn		KQM				
		QM				
3. Mua sắm hàng hóa		KQM				
		QM				
4. Xây lắp		KQM				
		QM				
5. Hỗn hợp		KQM				
		QM				
Tổng cộng I			0	0	0	
Tổng cộng I		KQM	0	0	0	
		QM	0	0	0	
II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU						
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
2. Hạn chế	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM				
7. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM				
9. Đàm phán giá	Trong nước	KQM				
	Quốc tế	KQM				
10. Mua sắm trực tuyến	Trong nước	QM				
11. Chào giá trực tuyến	Trong nước	QM				
12. Đặt hàng	Trong nước	KQM				
Tổng cộng II			0	0	0	
Tổng cộng II		KQM	0	0	0	
		QM	0	0	0	

Ghi chú:

- Công ty/doanh nghiệp nhà nước có thể điều chỉnh nội dung Biểu báo cáo theo thực tế triển khai của đơn vị

- KQM: Lựa chọn nhà thầu không qua mạng.

- QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người báo cáo
(tên, số điện thoại, địa chỉ email)